

Số: 04/BC-TTPC

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 7 năm 2015

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI ĐÁNH GIÁ**  
**KHÓA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỚC KHI TỐT NGHIỆP**  
**NĂM HỌC 2014 - 2015**

Thực hiện kế hoạch năm học của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Phòng Thanh tra- Pháp chế đã triển khai lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp năm học 2014-2015 đạt được một số kết quả như:

**1. Mục đích khảo sát**

- Việc lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp giúp cho nhà trường thực hiện tốt sứ mạng và mục tiêu của trường;

- Giúp lãnh đạo nhà Trường và các Khoa/Bộ môn có những thông tin chính xác cần thiết về các chương trình đào tạo, để có những quyết định đúng khi phải giải quyết những vấn đề liên quan đến những chương trình đào tạo;

- Nhằm cung cấp cho Nhà trường, các Khoa/Bộ môn những góp ý để tiếp tục phát triển Chương trình đào tạo;

- Đảm bảo lợi ích cho người học, tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện ý kiến của mình về chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường, chất lượng giảng dạy của giảng viên, về cơ sở vật chất và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban/trung tâm.

**2. Đối tượng và phạm vi khảo sát**

- Đối tượng khảo sát: Sinh viên cuối khóa.

- Phạm vi lấy ý kiến khảo sát: Tất cả sinh viên chuẩn bị nhận bằng tốt nghiệp.

**3. Tổ chức thực hiện**

- Thời gian thực hiện: Trong học kỳ 2 năm học 2014 – 2015 từ ngày 30/5/2015 đến ngày 20/6/2015 (trước khi sinh viên tốt nghiệp).

- Công cụ khảo sát: Theo mẫu phiếu khảo sát (phụ lục 1)

- Nội dung lấy ý kiến khảo sát:

- + Về chương trình đào tạo;
- + Về đội ngũ giảng viên;
- + Về tổ chức và quản lý phục vụ đào tạo;
- + Về kiểm tra đánh giá;
- + Về cơ sở vật chất;
- + Đánh giá chung về khóa học;
- + Các ý kiến khác.

#### 4. Kết quả thực hiện

Trong năm học vừa qua, nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp. Do chương trình thực hiện lấy ý kiến là khảo sát trực tiếp bằng giấy, nên toàn bộ phiếu khảo sát thu về đều phục vụ cho việc đánh giá và không có phiếu nào bị lỗi hoặc sửa chữa.

Sau khi triển khai thực hiện, kết quả thu được như sau:

TT	Khoa	Tổng số SV năm cuối	Tổng số SV trước khi tốt nghiệp tham gia khảo sát	Tỷ lệ %
1	Công nghệ thông tin	487	373	76,6
2	Công nghệ Điện tử và TT	324	269	83
3	Hệ thống thông tin Kinh tế	138	120	87
4	Công nghệ Tự động hóa	52	44	84,6
<b>Tổng cộng</b>		<b>1001</b>	<b>806</b>	<b>82,8</b>

Tổng số sinh viên trước năm cuối năm học 2014 - 2015 là: 1001SV

Tỷ lệ sinh viên trước khi tốt nghiệp tham gia đánh giá trên tổng số sinh viên cuối khóa là: 82,8%.

**\*Thông kê kết quả đánh giá (Phụ lục 2).**

#### 5. Đánh giá chung và kiến nghị, đề xuất

##### a) Đánh giá chung

- Về phía sinh viên: 82,8% sinh viên trước khi tốt nghiệp đã tham gia đánh giá phản hồi toàn khóa học. Tuy nhiên vẫn còn một số sinh viên ý thức tự giác chưa cao



và còn theo chiều hướng chống đối. Số sinh viên còn lại chưa thực hiện đánh giá sẽ thực hiện đánh giá ý kiến tại phòng CT HSSV trước khi tốt nghiệp.

- Ý kiến về phía chương trình đào tạo: Các ngành cơ bản đáp ứng được yêu cầu đề ra, tuy nhiên còn một số ý kiến đưa ra một số môn học không phù hợp với chương trình đào tạo, các ý kiến của sinh viên chủ yếu cho rằng nên rút bớt các học phần đại cương, nên tập trung học các môn chuyên ngành. Hầu hết các Chương trình đào tạo đều được sinh viên đánh giá cao với mức điểm từ 2,5/4 điểm trở lên, đáp ứng được mục tiêu đào tạo và phù hợp với nhu cầu xã hội. Nội dung và chương trình đào tạo có sự kết hợp chặt chẽ giữa các kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành.

+ Về đội ngũ giảng viên: Hầu hết các giảng viên được đánh giá ở mức điểm từ 2,6/4 điểm trở lên, có trình độ chuyên môn tốt, có phương pháp giảng dạy khoa học, thực hiện tốt đổi mới phương pháp giảng dạy học theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm. Các giảng viên rất nhiệt tình giúp đỡ sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức cũng như kinh nghiệm chuyên môn đối với sinh viên.

+ Về tổ chức và quản lý phục vụ đào tạo: Được sinh viên đánh giá từ 2,7 đến 3,9 điểm. Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, được tổ chức học tập khoa học. Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến cho rằng có một vài cán bộ nhân viên tại các phòng/trung tâm có thái độ không hòa nhã, không nhiệt tình với sinh viên và giải đáp các thắc mắc của sinh viên chưa được nhanh chóng.

+ Về kiểm tra đánh giá: Tất cả các chương trình đào tạo được sinh viên đánh giá từ mức khá trở lên, điểm từ 2,7 đến 3,6. Các kỳ thi được tổ chức nghiêm túc, khách quan. Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của từng môn học. Kết quả học tập được thông báo kịp thời tới sinh viên dưới nhiều hình thức. Tuy nhiên, có ý kiến của sinh viên cho rằng nên thông báo lịch thi chuẩn đầu ra tới sinh viên sớm hơn; nên tổ chức thi lại cho sinh viên.

+ Về Cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất của nhà trường được tất cả các sinh viên đánh giá từ mức khá trở lên, điểm từ mức 2,6 đến 3,5 điểm. Cơ sở vật chất của nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu học tập và vui chơi giải trí của sinh viên, có đủ trang thiết bị cho sinh viên thực hành nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, có ý kiến của sinh viên cho rằng nên cải thiện cơ sở vật chất phòng thực hành.

+ Về công tác tài chính: Công tác này cũng được sinh viên của các chuyên ngành đánh giá cao có mức điểm đánh giá từ 2,6 đến 3,8 điểm. Tuy nhiên, có một vài sinh viên có ý kiến nên giảm học phí; quá trình chi trả học bổng, các khoản trợ cấp xã hội nên nhanh hơn.

Hầu hết các sinh viên thuộc các chương trình đào tạo của các Khoa được khảo sát đều cho ý kiến phản hồi là hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường.

**b) Đề xuất, kiến nghị**

Đề nghị các Khoa chuyên môn thông báo rộng rãi tới toàn thể sinh viên nắm được mục đích của việc khảo sát này.

Đề nghị phòng Đào tạo xem xét ý kiến phản hồi các môn học (phụ lục 3) của SV đề xuất Hội đồng khoa học nhà trường có những thay đổi chương trình đào tạo cho phù hợp.

Đề nghị phòng QTPV xem xét sửa chữa điều hòa và nâng cấp các phòng thực hành thí nghiệm trong nhà trường để đáp ứng chương trình đào tạo.

Tiếp tục duy trì công tác này và triển khai lấy ý kiến phản hồi rộng rãi tới tất cả các sinh viên trước khi tốt nghiệp.

**Nơi nhận:**

- Ban giám hiệu (b/c);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: TT-PC.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**ThS. Phạm Văn Ngọc**


**Ghi chú:**

- Phụ lục 1: Mẫu phiếu đánh giá;
- Phụ lục 2: Tổng hợp kết quả điểm đánh giá sinh viên;
- Phụ lục 3: Tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp năm học 2014 – 2015.



✓ 10/10/2015




**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI  
CỦA SINH VIÊN TRƯỚC KHI TỐT NGHIỆP**

*Thân gửi các em sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp của Trường!*

Với mục tiêu đào tạo sinh viên (SV) tốt nghiệp ra trường có đủ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của thị trường lao động. Trường Đại học CNTT&TT triển khai tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về chương trình đào tạo, chất lượng của hoạt động quản lý, phục vụ và hỗ trợ đào tạo,... Đề nghị sinh viên cung cấp thông tin theo các nội dung dưới đây bằng cách đánh dấu (✓) vào các ô lựa chọn, điền thông tin vào các khoảng trống.

*Chân thành cảm ơn!*

**A. THÔNG TIN CHUNG**

- 1. Khóa: ..... 2. Lớp: .....
- 3. Hệ đào tạo: ..... 4. Ngành/Chuyên ngành: .....
- 5. Tốt nghiệp năm.....

**B. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ**

Mức độ đánh giá chọn theo thang điểm từ 1 đến 4 như sau:

*1 = Kém; 2 = Trung bình; 3 = Khá; 4 = Tốt.*

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá			
		1	2	3	4
<b>I. Chương trình đào tạo</b>					
1	Mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với các mục tiêu đào tạo				
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo đáp ứng ở mức nào với nhu cầu xã hội				
3	Tỷ lệ phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành				
4	Chương trình đào tạo được thiết kế có sự mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV ở mức nào?				
5	Các môn học trong chương trình đào tạo tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đã công bố				
6	Mức độ gắn kết giữa các khối kiến thức (cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành) và kiến thức thực tế trong nội dung chương trình đào tạo				
7	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo nêu rõ về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học cần đạt được				



II. Đội ngũ giảng viên		1	2	3	4
8	Trình độ chuyên môn của giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo				
9	Phương pháp giảng dạy của giảng viên, việc sử dụng phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm, khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm				
10	Việc hỗ trợ sinh viên tự học, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn với sinh viên của giảng viên				
11	Việc thực hiện giờ lên lớp, kế hoạch giảng dạy và sử dụng các thiết bị hỗ trợ dạy học của giảng viên				
III. Tổ chức và quản lý phục vụ đào tạo		1	2	3	4
12	Cung cấp đầy đủ thông tin về quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế học sinh sinh viên và phương pháp kiểm tra đánh giá từ đầu khóa tới sinh viên.				
13	Đánh giá việc triển khai thực tập gắn liền với thực tiễn tại các cơ quan, doanh nghiệp ngoài trường.				
14	Đánh giá thái độ phục vụ sinh viên của cán bộ, nhân viên các phòng/trung tâm.				
15	Đánh giá việc giải quyết các thắc mắc kiến nghị của sinh viên về các hoạt động đào tạo (kiểm tra đánh giá, chế độ chính sách...) của nhà trường được giải quyết thoả đáng.				
16	Các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường được triển khai tới sinh viên theo đúng quy định.				
17	Các chế độ chăm sóc sức khỏe, y tế học đường và cải thiện sức khỏe của nhà trường đối với sinh viên.				
18	Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả				
19	Hoạt động của các tổ chức Đảng/Đoàn/Hội có hiệu quả, tác dụng tốt trong học tập và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống của sinh viên				
20	Các thông tin về hoạt động đào tạo đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên trên website nhà trường.				
21	Hàng năm, nhà trường tổ chức có hiệu quả các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường/ các tổ chức Đoàn/Hội sinh viên.				
IV. Kiểm tra đánh giá		1	2	3	4
22	Mức độ đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra đánh giá môn học				
23	Tổ chức thi, kiểm tra đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng và phù hợp				
24	Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của từng môn học và được thông báo cho sinh viên trước khi bắt đầu môn học				
25	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá chính xác, công bằng và được thông báo kịp thời tới sinh viên				





<b>V. Cơ sở vật chất</b>		<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
26	Thư viện Trường có đủ các giáo trình và tài liệu tham khảo cho toàn khóa học				
27	Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, bàn ghế, phương tiện nghe nhìn dùng cho việc học, sân vận động, chỗ gửi xe,...)				
28	Trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm có đảm bảo chất lượng phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học				
29	Cơ sở vật chất ký túc xá				
30	Cảnh quan vệ sinh môi trường				
31	Căng tin trong trường phục vụ nhu cầu ăn uống của sinh viên nội và ngoại trú				
<b>VI. Công tác tài chính</b>		<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
32	Đánh giá việc thực hiện công tác thu - chi tài chính liên quan đến sinh viên của nhà trường				
33	Đánh giá về tinh thần và thái độ của cán bộ, nhân viên trong phòng Kế hoạch – Tài chính trong giải quyết công việc phục vụ sinh viên.				
<b>VII. Đánh giá chung về khóa học</b>		<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
34	Sinh viên được cung cấp đủ những kiến thức và các kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				
35	Mức độ tự tin về kiến thức, kỹ năng của sinh viên khi tốt nghiệp				
36	Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường				

### VIII. Ý kiến khác

1. Theo em, có những môn học nào trong chương trình đào tạo có thể không cần thiết?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Theo em, có những môn học nào cần tăng hay giảm số tín chỉ trong chương trình đào tạo?

.....

.....

.....

.....

.....

.....



3. Em có kiến nghị gì với Nhà trường về chương trình đào tạo và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Những ý kiến khác:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



Thái Nguyên, ngày 22 tháng 7 năm 2015

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN TRƯỚC KHI RA TRƯỜNG NĂM HỌC 2014-2015**

Chuyên ngành /câu hỏi	Chương trình đào tạo							Đội ngũ giảng viên				Tổ chức quản lý phục vụ đào tạo										Kiểm tra đánh giá				Cơ sở vật chất						Công tác tài chính		Đánh giá chung về khóa học		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
ĐKTĐ K9	2.5	2.8	2.8	2.8	2.8	2.8	2.9	2.6	2.8	2.9	2.9	2.8	3.1	3	2.9	2.6	3	2.8	2.8	2.8	3	2.7	2.8	2.7	2.8	2.6	3.1	3.1	3.2	2.8	2.9	2.9	2.6	2.7	2.9	2.8
KHMT K9	2.9	2.9	2.7	2.9	3	2.9	2.9	3.2	3.1	3	3.2	3.1	3.1	3	2.9	2.9	2.8	3.1	2.9	2.9	3.2	3.1	3	2.8	3.1	2.8	2.9	2.9	3.1	3.1	3	2.9	3	3	2.9	3
MMT&TT K9	2.5	2.9	2.8	2.7	2.8	2.9	2.9	2.8	2.7	2.7	2.9	2.7	2.7	3.1	2.9	2.7	2.8	2.9	2.8	2.9	3	2.9	2.7	2.9	2.9	2.7	2.7	2.8	3	2.8	2.8	2.7	2.8	2.7	2.8	2.9
CNPM K9	2.8	3	2.8	3	2.9	3.4	2.9	2.9	2.9	3.1	2.9	2.8	2.7	2.8	2.8	2.9	2.8	2.9	2.9	3	3	2.9	2.9	2.9	3	2.7	3	2.9	3.1	3.1	2.8	2.8	2.9	2.9	2.8	2.9
HTTT K9	2.5	2.6	2.8	2.5	2.8	2.7	2.9	2.8	2.9	2.8	2.8	2.7	2.9	2.7	2.9	3	2.9	2.9	2.9	2.9	3	2.9	2.9	3	2.9	2.8	2.9	2.8	3.1	2.9	2.9	2.7	2.6	2.8	2.7	2.8
ANM K9	2.6	2.5	2.7	2.5	2.6	2.5	2.6	2.9	2.8	2.7	2.8	2.8	2.6	2.5	2.5	2.8	2.7	2.9	2.9	2.8	2.7	2.8	2.6	2.7	2.7	2.6	2.8	2.5	2.8	2.7	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.4
CNĐT K9	2.4	2.7	2.8	2.7	2.8	2.8	2.8	2.6	2.7	2.8	3	2.8	2.9	2.9	2.8	2.8	2.8	2.9	2.8	2.8	3	2.7	2.8	2.8	2.9	2.7	2.9	2.9	2.9	2.8	2.9	2.8	2.7	2.7	2.9	2.8
CNVT K9	2.8	2.9	2.8	2.8	2.7	2.9	2.9	2.8	3	3	3.2	3	2.9	2.9	2.9	3	2.9	2.9	3	3	3.1	2.9	2.9	3	3	2.9	3.1	2.9	3.1	3.1	3	2.7	2.7	2.9	2.9	2.8
TH K Toán K10	3.1	3.1	3.1	3	3.1	3.1	3.1	3.4	3.2	3.2	3.5	3.5	3.2	3.3	3.2	3.3	2.9	3.2	3.3	3.2	3.4	3.2	3.3	3.2	3.3	3.2	3.4	3.1	3.3	3.4	3	3	2.9	3.1	3.1	3.1
TH K Tế K10	2.5	2.8	2.9	2.9	2.9	2.9	2.9	2.7	2.8	2.8	3	2.8	2.9	2.9	2.9	2.8	2.8	2.9	2.8	2.9	2.9	2.7	2.9	2.9	3	2.7	3	3	3	2.9	2.9	2.8	2.7	2.7	2.9	2.8
TMĐT K10	3.3	3.2	3.3	3.3	3.4	3.4	3.3	3.4	3.4	3.5	3.5	3.6	3.5	3.5	3.5	3.5	3.2	3.3	3.3	3.5	3.5	3.5	3.5	3.6	3.5	3.3	3.4	3.2	3.5	3.5	3.5	3.4	3.5	3.5	3.4	3.5
CĐ ĐTTT K11	3	2.9	2.9	3	3.2	3.1	2.8	3.4	3.3	3.1	3.3	3.1	3.1	3	2.9	2.9	2.8	3.1	3	2.9	3.2	3.1	2.9	2.9	3.1	3	3	3.1	3.1	3.2	3.2	3	3.1	3.1	2.9	3
CĐ ĐKTĐ K11	3.8	3.5	3.5	3.5	3.7	3.5	3.6	3.9	3.6	3.7	3.7	3.6	3.5	3.4	3.8	3.6	3.6	3.7	3.5	3.9	4	3.5	3.6	3.8	3.7	3.5	3.8	3.9	3.6	3.7	3.5	3.6	3.8	3.9	3.8	3.8
CĐ HTTT QL K11	3.6	3.6	3.3	3.3	3.5	3.5	3.5	3.4	3.5	3.2	3.5	3.7	3.3	3.3	3.4	3.3	3.4	3.3	3.5	3.5	3.5	3.5	3.7	3.5	3.7	3.4	3.5	3.4	3.4	3.4	3.3	3.1	3.3	3.4	3.5	3.5
CĐ CNTT K11	2.7	2.7	3	2.8	2.8	2.9	2.8	2.9	2.9	2.9	3	3	2.9	2.9	2.9	2.9	2.8	2.9	2.9	3	2.9	2.8	2.9	3	3	2.9	3	3	2.9	3	2.9	2.9	2.8	2.8	2.9	2.9

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Ths. Phạm Văn Ngọc

Người lập



Bùi Thị Hương Thơm